

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC

Ngày	13,850 VNĐ		
31/12/2025			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	4.9%	1.8%	-0.7%

DT thuần	Q4/25
112	tỷ VNĐ
QoQ: ▼217 -66.0%	
YoY: ▼158 -58.6%	

LN thuần	Q4/25
13.2	tỷ VNĐ
QoQ: ▼17.5 -57.1%	
YoY: ▼0.70 -5.2%	

LN sau thuế	Q4/25
10.5	tỷ VNĐ
QoQ: ▼14.2 -57.4%	
YoY: ▼4.00 -27.4%	

Tỷ suất lãi EBIT	2025
12.3%	
YoY: +/-▼ 3.2%	

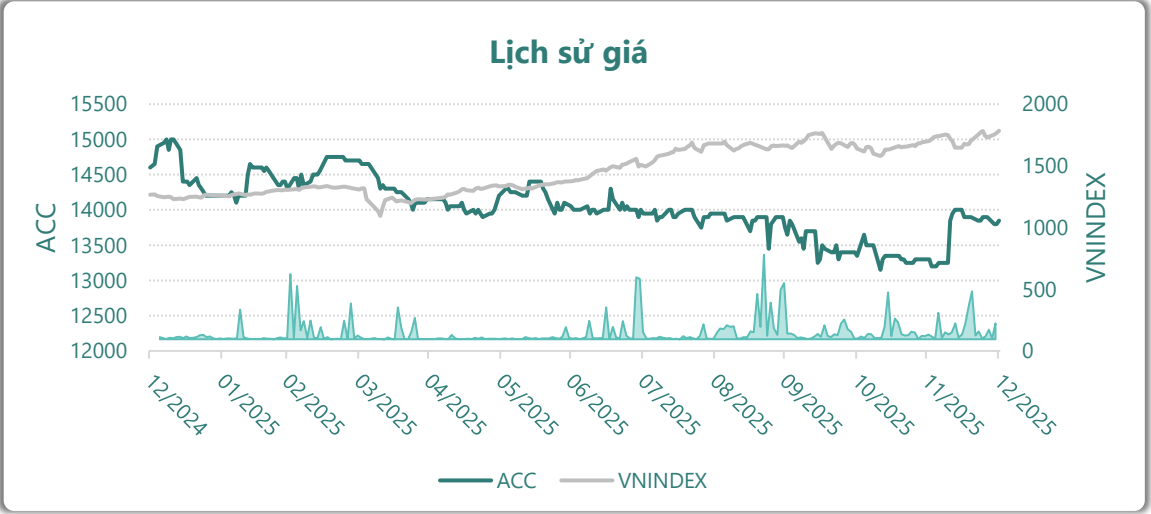
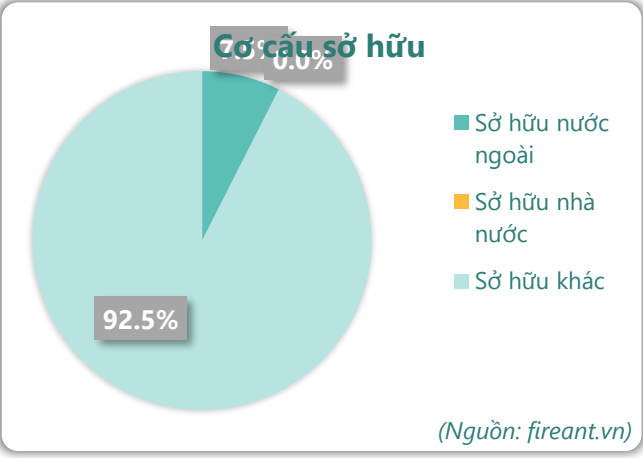
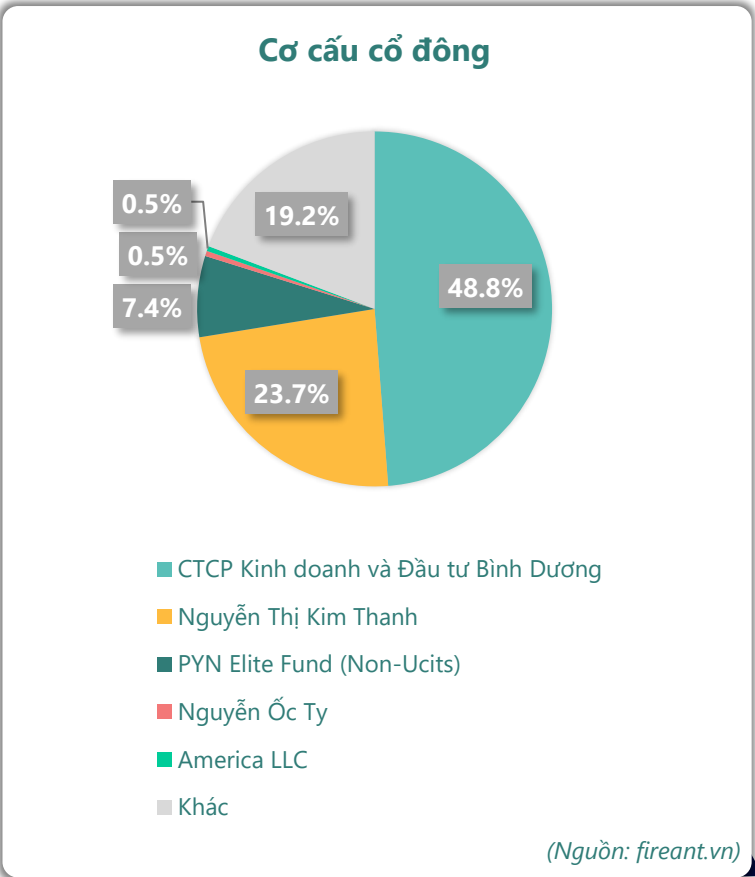
ROE	2025
3.8%	
YoY: +/-▼ 0.2%	

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	13,150 - 15,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,454
Số lượng CPLH (CP)	104,999,993
KLGD BQ 20 phiên (CP)	29,445
Sở hữu nước ngoài	7.5%
Beta	0.01
EPS	496
P/E	27.9

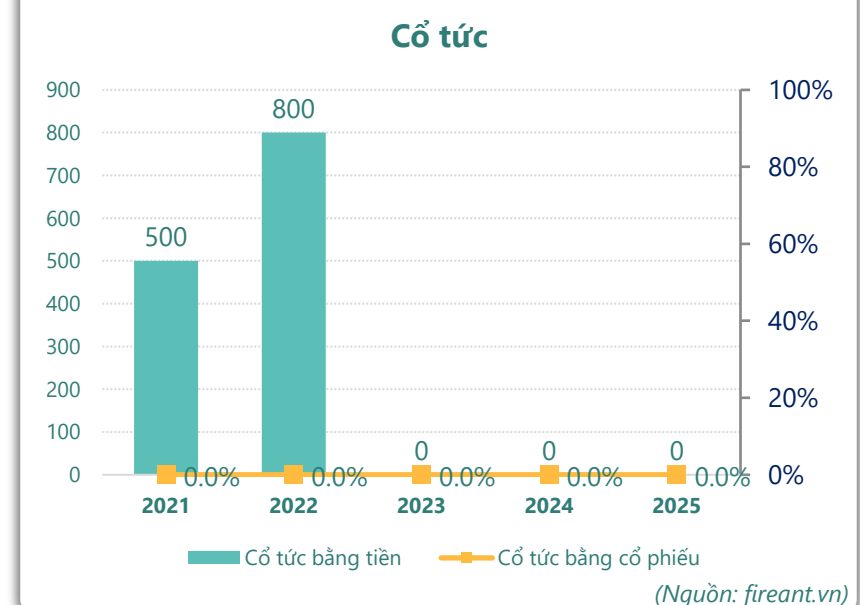
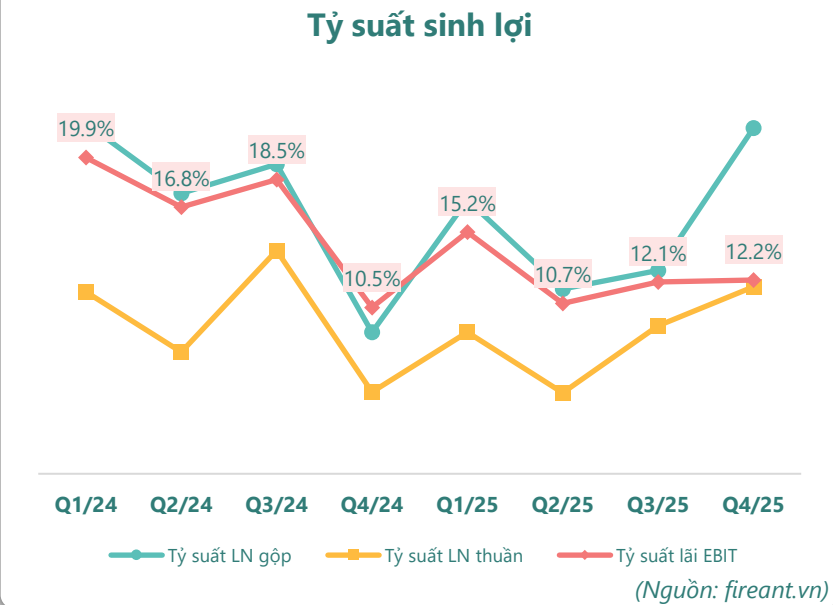
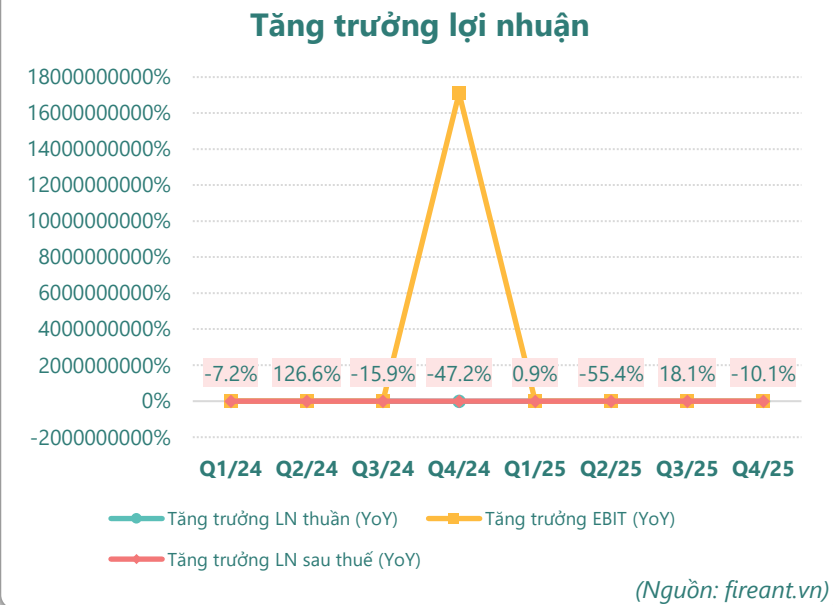
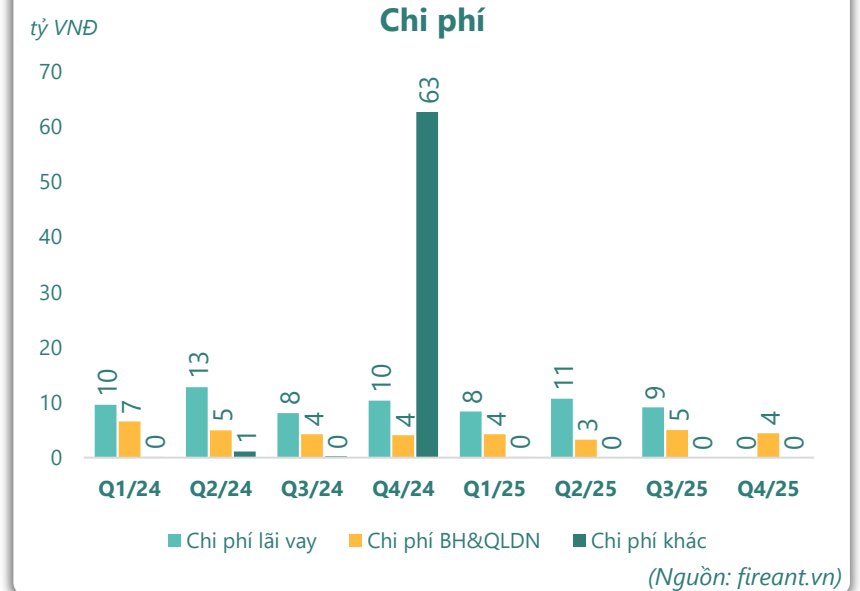
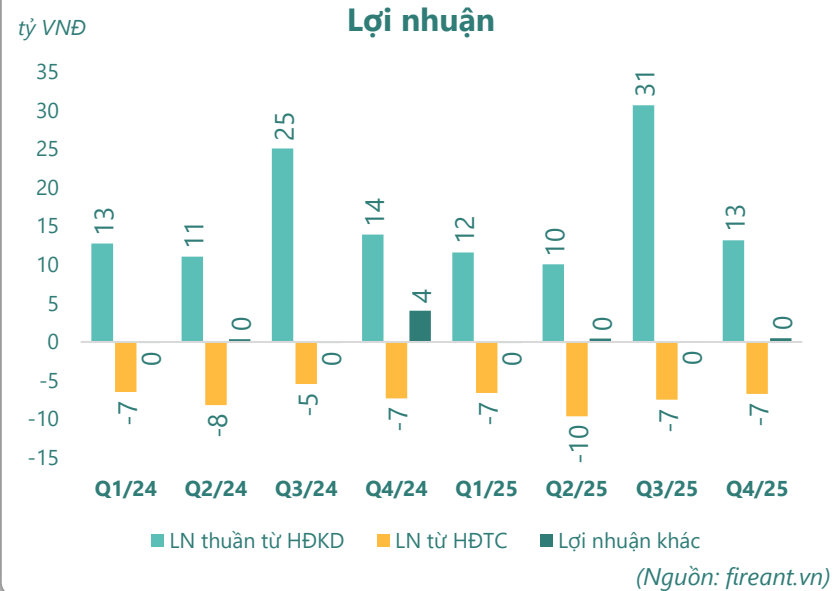
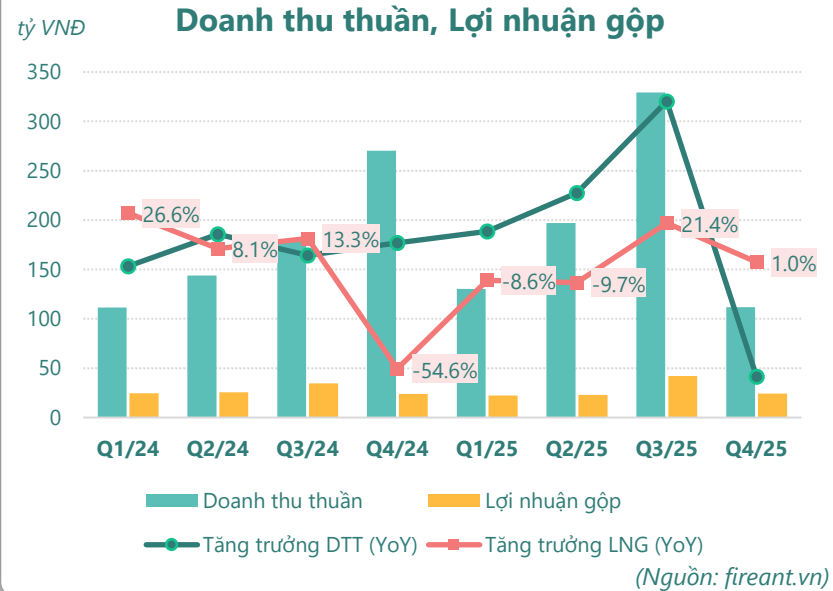
DT thuần	2025
769	tỷ VNĐ
YoY: ▲ 69.0 9.8%	

LN thuần	2025
65.6	tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.90 2.9%	

LN sau thuế	2025
52.8	tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.30 0.6%	



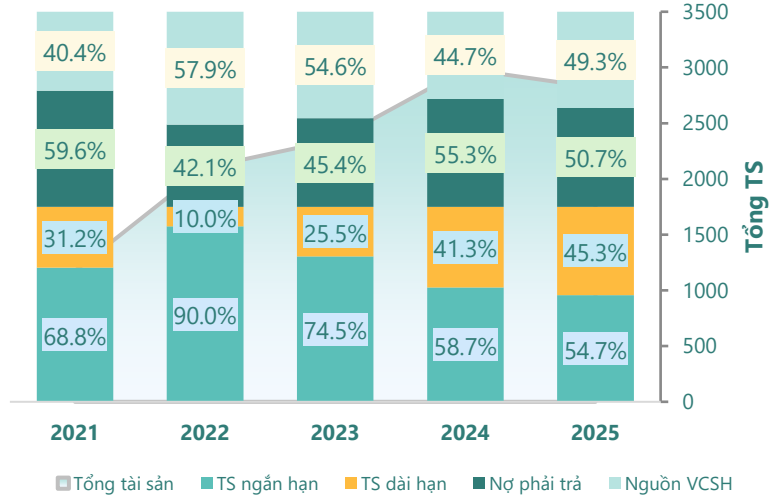
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

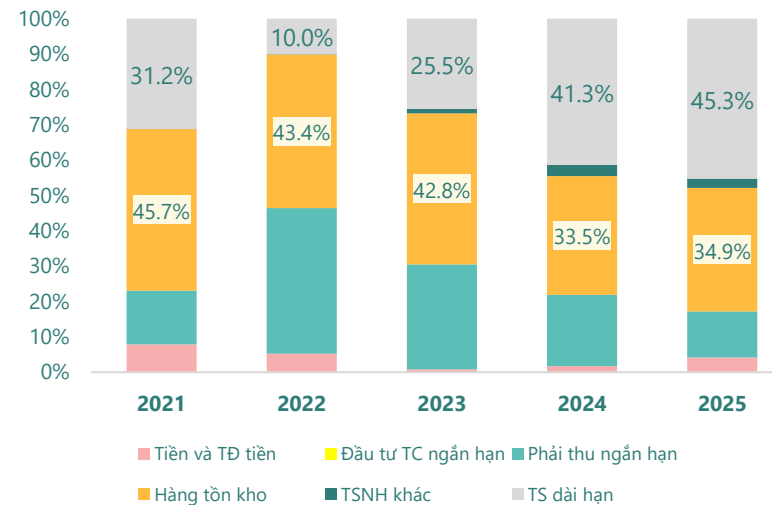
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

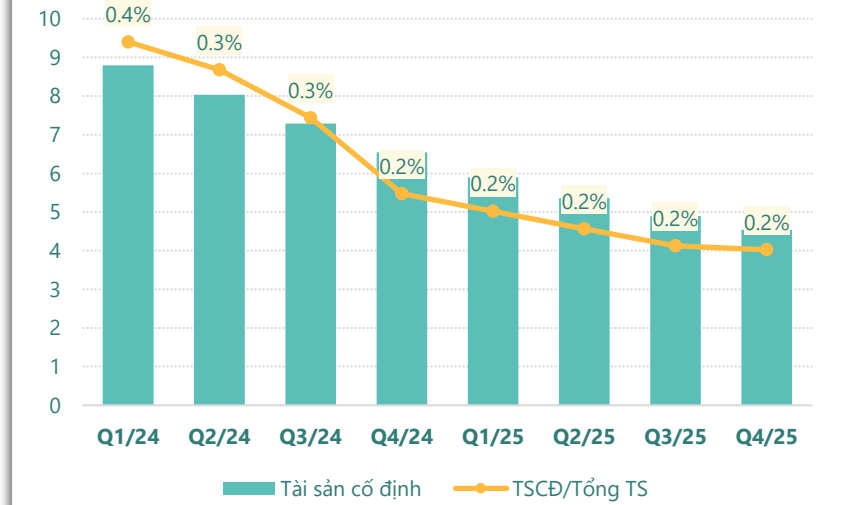
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

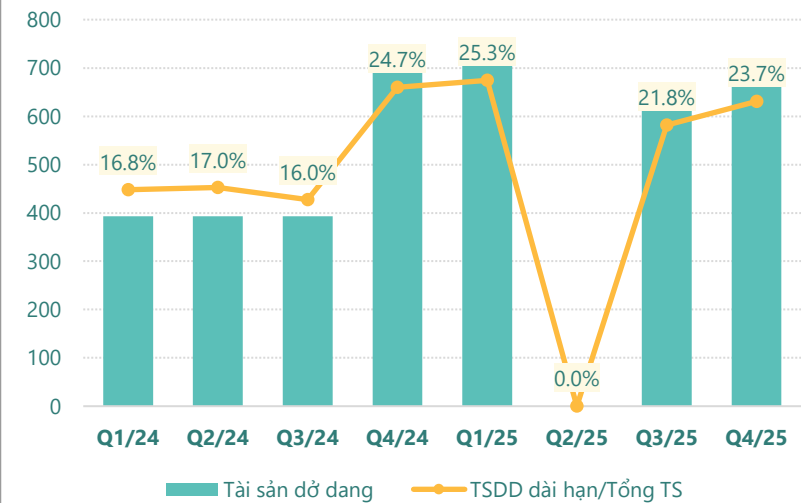
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

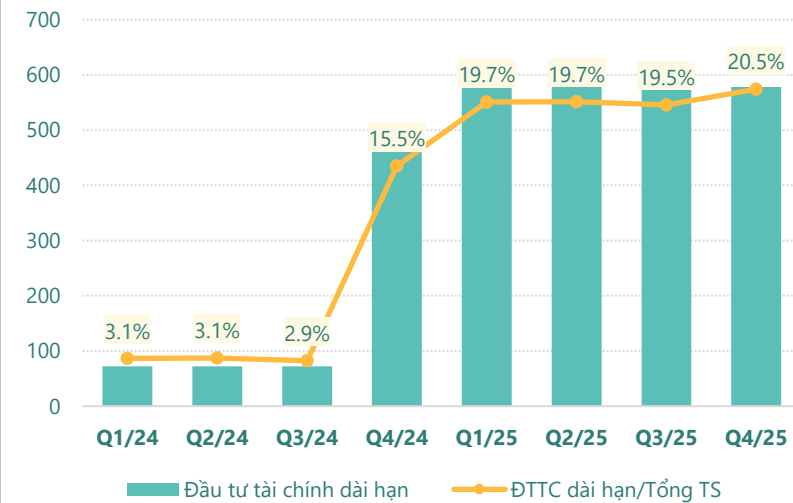
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

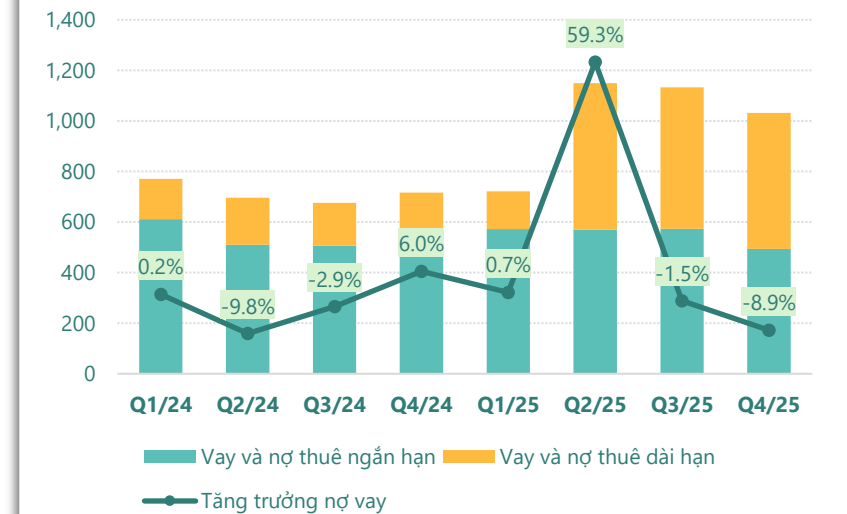
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ

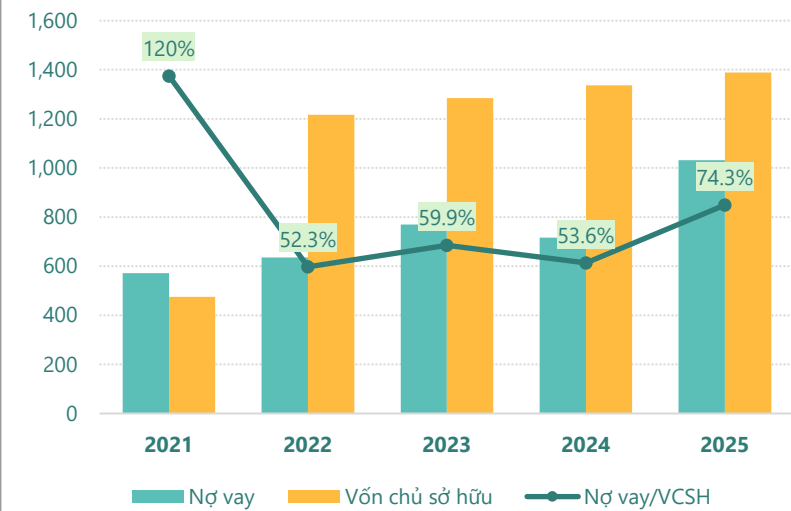


(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

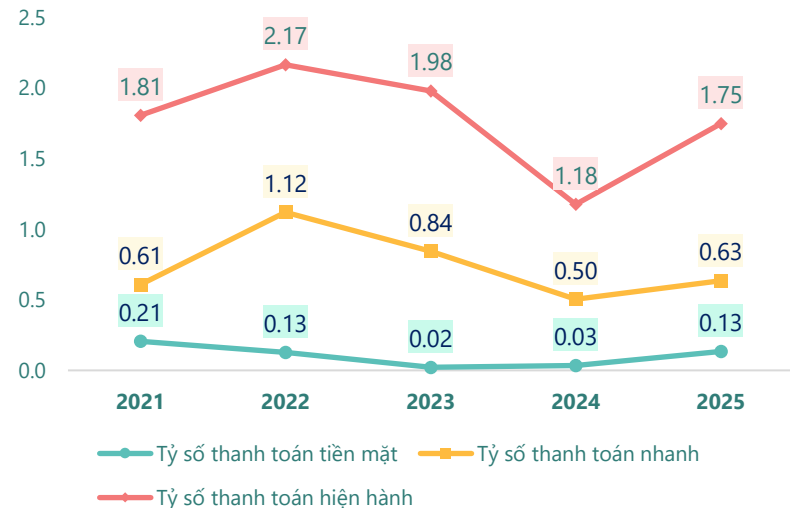
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



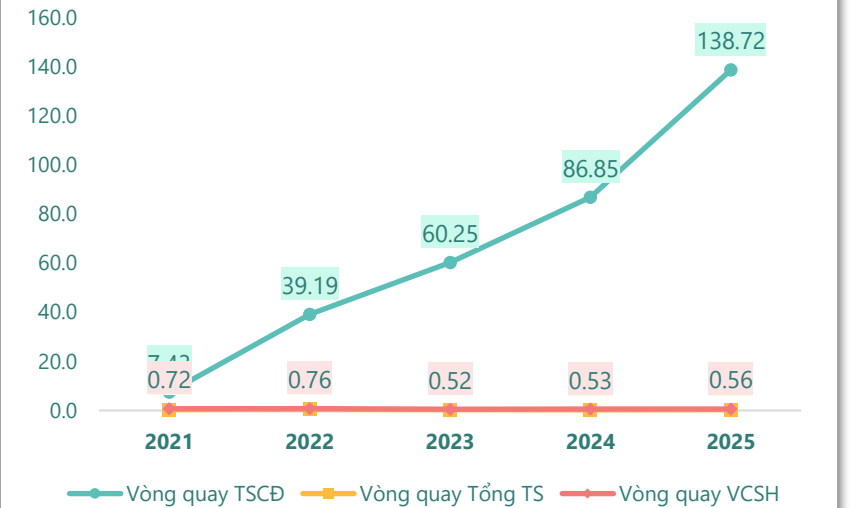
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



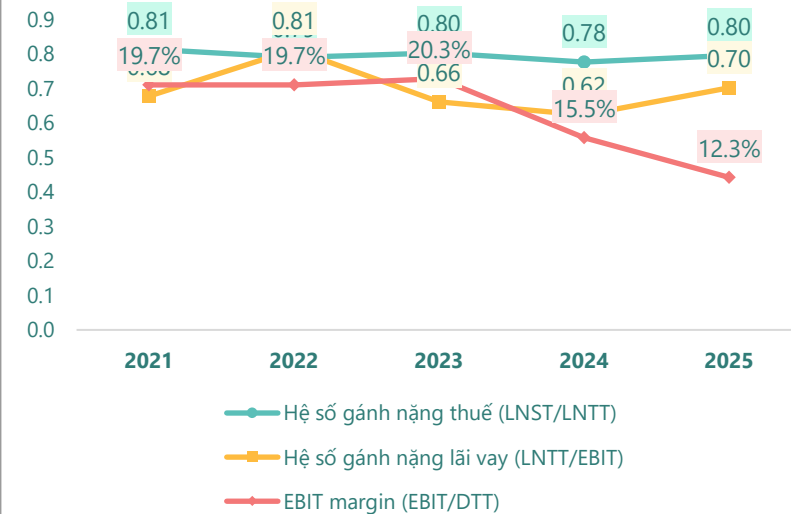
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



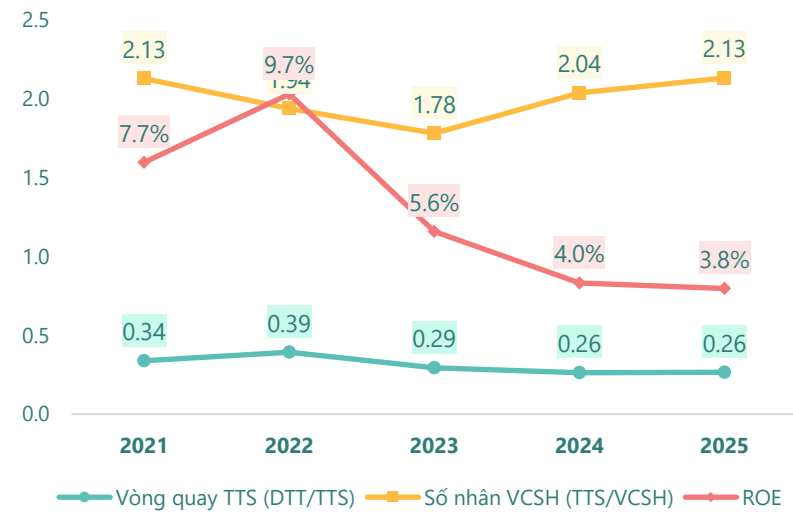
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



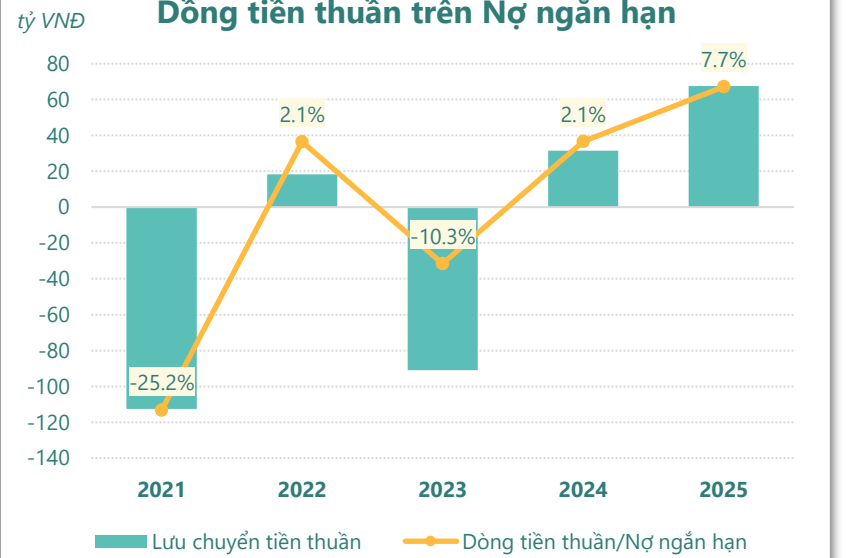
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)



KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	112	270	-58.6%	769	700	9.8%
Giá vốn hàng bán	87.4	246	-64.5%	657	590	11.2%
Lợi nhuận gộp	24.3	24.1	1.0%	112	110	2.0%
Doanh thu HĐTC	1.70	3.04	-44.0%	6.12	14.6	-58.2%
Chi phí TC	8.43	10.4	-19.0%	36.6	40.8	-10.4%
Chi phí lãi vay	0	10.4	-100%	28.1	40.8	-31.0%
LN trong công ty LKLD	0	1.25	-100%	1.00	0	
Chi phí bán hàng	1.74	0.64	172%	6.49	6.70	-3.1%
Chi phí QLDN	2.71	3.46	-21.7%	10.5	13.2	-20.4%
LN thuần từ HĐKD	13.2	13.9	-5.2%	65.6	63.7	2.9%
Lợi nhuận khác	0.48	4.07	-88.3%	0.75	3.89	-80.7%
LN trước thuế	13.7	18.0	-24.2%	66.3	67.6	-1.9%
Lợi nhuận sau thuế	10.5	14.5	-27.4%	52.8	52.5	0.6%
LNST của CĐ cty mẹ	10.4	14.3	-27.3%	52.1	52.3	-0.4%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	36.9	301	-21.3	-402	33.3	101
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.28	-325	35.6	-56.2	-35.8	98.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-20.2	40.8	4.88	428	-16.8	-101
Tiền đầu kỳ	17.7	34.2	50.8	70.0	39.1	19.8
Lưu chuyển tiền thuần	16.5	16.7	19.1	-30.8	-19.4	98.7
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	34.2	50.8	70.0	39.1	19.8	118

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,819	2,987	-5.6%
Tài sản ngắn hạn	1,543	1,753	-12.0%
Tiền và tương đương tiền	118	50.8	133%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	367	604	-39.2%
Hàng tồn kho	983	1,002	-1.8%
Tài sản ngắn hạn khác	73.8	95.9	-23.1%
Tài sản dài hạn	1,276	1,235	3.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	4.54	6.54	-30.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	667	740	-9.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	578	464	24.6%
Tài sản dài hạn khác	26.8	24.5	9.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,431	1,651	-13.3%
Nợ ngắn hạn	882	1,490	-40.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	493	565	-12.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	346	797	-56.6%
Nợ dài hạn	549	161	240%
Vay và nợ thuê dài hạn	538	152	254%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,389	1,337	3.9%
Vốn chủ sở hữu	1,389	1,337	3.9%
Vốn điều lệ	1,050	1,050	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

